

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: I

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-ĐHLHN ngày

tháng

năm 20

của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Ngôn ngữ Anh

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
1	241102927	Vũ Duy Anh	2410733	19		8.47		89.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
2	241102936	Đào Công Trường Đạt	2410733	19		8.62		81.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
3	241102937	Phạm Trung Đức	2410733	19		8.80		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
4	241102938	Lê Thu Giang	2410733	19		8.73		94.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
5	241102960	Nguyễn Thùy Linh	2410733	19		8.75		87.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
6	241102982	Nguyễn Trần Hà Phương	2410733	19		8.86		89.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
7	241102988	Lưu Công Thành	2410733	19		8.45		81.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
8	241103103	Vũ Mai Anh	2410735	19		8.70		89.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
9	241103104	Nguyễn Bảo Châu	2410735	19		8.67		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
10	241103105	Đặng Bảo Chi	2410735	19		9.02		85.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
11	241103143	Nguyễn Hoàng Minh	2410735	19		8.92		86.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
12	241103147	Nguyễn Hoàng Ngân	2410735	19		9.05		89.00	16 720 000		16 720 000	Giỏi
13	241103169	Nguyễn Thị Thu Trang	2410735	19		8.83		90.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
14	251102439	Nguyễn Đoàn Quỳnh Anh	2510628	15		8.07		88.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
15	251102450	Nguyễn Thị Mai Chi	2510628	15		8.16		89.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
16	251102475	Nguyễn Đỗ Khánh Ly	2510628	15		8.17		88.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
17	251102484	Hoàng Mai Phương	2510628	15		8.21		80.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
18	251102497	Nguyễn Hoàng Huyền Trang	2510628	15		8.04		88.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
19	251102506	Nguyễn Duyên Anh	2510629	15		8.30		90.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
20	251102507	Nguyễn Hiền Anh	2510629	15		8.01		92.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: I

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-ĐHLHN ngày

tháng

năm 20

của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Ngôn ngữ Anh

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
21	251102527	Công Ngọc Bảo Hân	2510629	15		8.47		90.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
22	251102537	Nguyễn Khánh Linh	2510629	15		8.07		82.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
23	251102594	Bùi Thu Hằng	2510630	15		8.69		91.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
24	251102596	Nguyễn Mai Hoa	2510630	15		8.22		84.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
25	251102599	Nguyễn Phúc Khang	2510630	15		7.99		70.50	12 000 000		12 000 000	Khá
26	251102601	Hồ Thị Khánh Linh	2510630	15		8.19		92.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
27	251102615	Lê Thị Thanh Nhân	2510630	15		8.01		80.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
28	472607	Trần Thị Ngọc Hiệp	4726	15		8.44		86.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
29	472612	Nguyễn Thị Thảo	4726	18		8.22		80.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
30	472638	Nguyễn Mai Phương	4726	18		8.66		85.50	15 840 000		15 840 000	Giỏi
31	472715	Đào Thị Minh Thư	4727	17		8.44		86.00	14 960 000		14 960 000	Giỏi
32	472820	Nguyễn Thị Lý	4728	15		7.85		71.50	12 000 000		12 000 000	Khá
33	472821	Nguyễn Thanh Thảo	4728	15		7.93		73.50	12 000 000		12 000 000	Khá
34	472837	Lê Hồng Ngân	4728	17		8.09		77.00	13 600 000		13 600 000	Khá
35	472838	Lê Thị Tố Uyên	4728	18		7.99		74.50	14 400 000		14 400 000	Khá
36	472841	Đỗ Thị Phương Anh	4728	15		8.13		77.00	12 000 000		12 000 000	Khá
37	472843	Hoàng Thị Hiền	4728	15		7.97		73.50	12 000 000		12 000 000	Khá
38	472847	Nguyễn Thị Nhung	4728	15		8.35		77.00	12 000 000		12 000 000	Khá
39	472849	Đỗ Thế Tài	4728	15		8.67		85.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
40	472859	Nguyễn Phương Oanh	4728	15		7.89		74.50	12 000 000		12 000 000	Khá

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: I

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Ngôn ngữ Anh

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
41	472864	Nguyễn Thị Thắm	4728	15		7.76		78.50	12 000 000		12 000 000	Khá
42	482870	Đông Thảo Vân	4828	15		8.45		85.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
43	482903	Hoàng Thị Lan Anh	4829	15		8.28		85.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
44	482921	Nguyễn Quang Đạt	4829	18		8.38		85.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
45	482932	Trương Mi Lan	4829	15		8.35		89.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
46	482933	Hồ Thị Linh	4829	15		8.44		88.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
47	482954	Lê Thị Mai Phương	4829	15		8.43		88.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
48	482971	Ngô ánh Vượng	4829	15		8.34		88.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
49	483030	Vũ Quỳnh Hương	4830	15		8.51		80.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
50	483052	Nguyễn Yến Nhi	4830	15		8.48		83.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
51	483053	Phạm Nguyễn Yến Nhi	4830	18		8.33		88.00	15 840 000		15 840 000	Giỏi
52	483057	Nguyễn Văn Sơn	4830	15		8.42		88.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
53	483064	Lưu Huyền Trang	4830	15		8.43		84.00	13 200 000		13 200 000	Giỏi
54	483072	Cao Thị Hải Yến	4830	15		8.50		84.50	13 200 000		13 200 000	Giỏi
55	483917	Trần Phương Ngân	4830	19		8.67		89.50	16 720 000		16 720 000	Giỏi
Tổng số SV theo danh sách: 55									779 600 000		779 600 000	